

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 02 - 2026

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh 1977.

Số căn cước công dân: 035077000405.

Địa chỉ: Tổ 3, phường H, tỉnh Ninh Bình.

2/ Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh 1980.

Số căn cước công dân: 030180015799.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Theo lời khai của anh Nguyễn Tuấn A hiện nay chị Vũ Thị H đang sống và lao động ở Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể.

(Phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Tuấn A có lý do; vắng mặt chị Vũ Thị H không có lý do).

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/1999 tại UBND xã Bắc An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và đã sinh được 02 con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 05/9/2016 chị H bỏ nhà đi, không liên lạc gì về cho gia đình nên gia đình không ai biết chị H làm gì, ở đâu, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, quan tâm đến nhau. Đến năm 2019, chị H liên lạc về cho con trai là Nguyễn Thành L thông báo cho biết hiện nay chị đang sinh sống và lao động tại Đài Loan (Trung

Quốc) nhưng chị H không nói địa chỉ cụ thể ở đâu. Do thời gian ly thân đã lâu, anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng V (con gái), sinh ngày 29/10/2000 và cháu Nguyễn Thành L (con trai), sinh ngày 27/7/2004, hiện cả hai cháu đều trưởng thành trên 18 tuổi, lao động tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con nuôi, con riêng: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn chị Vũ Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025); các Điều 51, 56, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H.
2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Vũ Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng tại tổ 3, phường H, tỉnh Ninh Bình, hiện đang ở nước ngoài (Trung Quốc) không rõ địa chỉ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các Luật Tố tụng và Luật khác có liên quan thì vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa anh Nguyễn

Tuấn A và chị Vũ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đại diện gia đình chị Vũ Thị H là anh Nguyễn Thành L (con trai) và yêu cầu thân nhân của chị H cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng không có kết quả, mặt khác Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn (phiên tòa lần 02) theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/1999 tại UBND xã Bắc An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng), đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A, HĐXX thấy rằng:

Sau khi kết hôn anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Đến năm 2019, anh Tuấn A biết được tin tức chị H đi lao động tại Đài Loan, đến nay, không liên lạc về cho anh, chị H có gọi điện liên lạc với con trai là Nguyễn Thành L nhưng chỉ nói là đang ở Đài Loan mà không nói địa chỉ cụ thể. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử lý hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng V (con gái), sinh ngày 29/10/2000 và Nguyễn Thành L (con trai), sinh ngày 27/7/2004 đều trưởng thành trên 18 tuổi, lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về con nuôi, con riêng: Anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A phải nộp theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 56, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Tuấn A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003219 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, anh Tuấn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nguyễn Trãi, TP Hải Phòng;
(ĐKKH ngày 12/11/1999)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân